TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH PT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 - 01 - 2020
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Viết Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm
Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Anh Xuân Ngọc là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh PT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh PT tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2020. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1986
Địa chỉ: Khu 3, xã Y (nay là khu 6 xã V), huyện TT, tỉnh PT. (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị **Lương Thị T**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu 3, xã Y (nay là khu 6 xã V), huyện TT, tỉnh PT. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2019, được bổ sung bằng biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2019 nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lương Thị T vào ngày 25/9/2012, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y (nay là xã V), huyện Thanh Thủy, tỉnh PT. Sau khi kết hôn vợ chồng ăn ở chung cùng nhà với bố mẹ anh H. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc chỉ trong một thời gian ngắn, đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Đến nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị T nữa, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nên anh đề nghị được ly hôn chị T .

- Về con chung: anh H và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu T1, sinh ngày 05/4/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Hữu C, sinh ngày 10/9/2013. Hiện nay các cháu đang ở với anh H và ông bà nội. Khi ly hôn anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: anh H không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết chị T vắng mặt, Toà án đã thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị T , tuy nhiên chị vắng mặt không lý do.

Qua làm việc với ông Nguyễn Hữu M là bố chồng của chị T thì ông M xác định anh H và chị T kết hôn từ năm 2012, sau khi kết hôn thì anh H và chị T ăn ở chung cùng nhà với gia đình ông M cho đến nay. Vợ chồng anh H và chị T đã có 02 con chung, hiện các cháu đang ở tại nhà ông. Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong cách tổ chức cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Hiện nay anh H và chị T đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai nữa. Ông và gia đình đã hòa giải và khuyên bảo anh H và chị T , nhưng cả hai đều không cải thiện được mối quan hệ. Đến nay ông M đồng ý để anh H và chị T giải quyết ly hôn.

Qua xác minh tại UBND xã Y xác định: Năm 2012 chị Lương Thị T kết hôn với anh Nguyễn Hữu H. anh H và chị T đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu T1 và cháu Nguyễn Hoàng Hữu C, các con hiện đang ở cùng anh H. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa giải được, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, cả hai bên đều không chủ động và có biện pháp hàn gắn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã cắt đứt quan hệ, không quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại anh Nguyễn Hữu H và chị Lương Thị T vẫn cư trú tại khu 3, xã Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh PT. UBND xã Y đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

Qua xác minh tại Hội phụ nữ xã Y xác định: Chị Thân là hội viên Chi hội phụ nữ Khu 3, xã Y. Quá trình vợ chồng anh H và chị T chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, cả hai bên đều không chủ động và có biện pháp hàn gắn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã cắt đứt quan hệ, không quan tâm đến nhau nữa. Hội phụ nữ xã Y đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa:*

-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh H: Xử cho anh H được ly hôn chị T ; Về con chung: Giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Hữu T1 và cháu Nguyễn Hoàng Hữu C, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này;Về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

anh H do điều kiện bận công việc làm ăn, đi lại khó khăn vất vả nên anh H đã có đơn đề nghị xét xử việc ly hôn vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị T về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị T đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và làm việc với bố chồng của chị T là ông Nguyễn Hữu M, kết quả thể hiện chị T vẫn đang cư trú tại khu 3 xã Y và ở cùng nhà ông M từ năm 2012 cho đến nay.

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: anh H kết hôn với chị T vào ngày 25/9/2012, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh PT, đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh H và chị T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị T . Tòa án đã thông báo cho chị T về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị T đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên chị T đều vắng mặt không có lý do.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh được ly hôn chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Không có

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: anh H không yêu cầu giải quyết, chị T vắng mặt không có lý do. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Lương Thị T.

2. Về con chung: Xử giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Hữu T1, sinh ngày 05/4/2012 và cháu Nguyễn

Hoàng Hữu C, sinh ngày 10/9/2013 kể từ ngày 20/01/2020 cho đến khi cháu Thành, cháu Công thành niên. Chị Thân không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0001635 ngày 07/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú